

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH  
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG  
VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG CẢI TIẾN**

*Tổ Chuyên gia chất lượng đào tạo*

*Tháng 7, 2011*

## MỤC LỤC

<b>THUYẾT MINH TỪ VIẾT TẮT TIẾNG ANH.....</b>	<b>2</b>
<b>I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ.....</b>	<b>3</b>
<b>II. PHẠM VI ĐÁNH GIÁ.....</b>	<b>3</b>
<b>III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ .....</b>	<b>3</b>
<b>IV. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ.....</b>	<b>3</b>
<b>IV.1 ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC .....</b>	<b>3</b>
1. Đánh giá qui trình xây dựng CDR của ĐHNT .....	3
2. Yêu cầu qui trình xây dựng CDR của Bộ GD&ĐT và đối chiếu với ĐHNT .....	4
3. Yêu cầu về nội dung CDR của Bộ GD&ĐT và đối chiếu với ĐHNT .....	6
4. Yêu cầu về nội dung CDR của ABET, CDIO và đối chiếu với ĐHNT.....	6
<b>IV.2 ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC .....</b>	<b>9</b>
1. Đánh giá qui trình và nội dung xây dựng CTGD của ĐHNT .....	9
2. Đánh giá khái quát các CTGD của ĐHNT theo bộ tiêu chuẩn tự đánh giá của AUN ..	15
<b>IV.3 ĐÁNH GIÁ CÁC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN .....</b>	<b>17</b>
1. Khái niệm Đề cương chi tiết học phần.....	17
2. Đánh giá chủ trương xây dựng ĐCCTHP của ĐHNT .....	18
3. Đánh giá các ĐCCTHP của ĐHNT.....	19
<b>V. ĐỀ XUẤT HƯỚNG CẢI TIẾN .....</b>	<b>21</b>
1. Làm rõ và thống nhất các khái niệm .....	21
2. Chọn lựa cách tiếp cận tiên tiến .....	21
3. Hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo và tổ chức tập huấn.....	22
4. Hoàn thiện các sản phẩm.....	22
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>23</b>

## THUYẾT MINH TỪ VIẾT TẮT TIẾNG ANH

### ABET

ABET là một tổ chức của Mỹ có uy tín trên thế giới, chuyên kiểm định chất lượng các chương trình giảng dạy khối kỹ thuật (Engineering), công nghệ (Technology), khoa học ứng dụng (Applied Sciences) và điện toán (Computing). ABET là tên viết tắt của cụm từ **Accreditation Board for Engineering and Technology**, tạm dịch là Hội đồng kiểm định các chương trình đào tạo khối kỹ thuật và công nghệ.

Website của tổ chức: <http://www.abet.org/>

### AUN

**ASEAN University Network** (Mạng lưới đại học các nước Đông Nam Á) là một tập hợp các trường đại học Đông Nam Á. Ban đầu nó được 11 trường đại học của các quốc gia thành viên thành lập vào tháng 11 năm 1995. Hiện tại AUN có 21 trường đại học tham gia. Việt Nam hiện có 2 thành viên là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. HCM. Một trong những hoạt động quan trọng của AUN là tổ chức kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo đại học để góp phần phát triển khả năng liên thông của giáo dục đại học đối với các quốc gia thuộc khu vực.

Website của tổ chức: <http://www.aun-sec.org/>

### CDIO

Vào năm 2000, Học viện kỹ thuật Massachusetts (MIT) đã kết hợp với ba trường đại học công nghệ hàng đầu của Thụy Điển để triển khai một dự án mang tên Đề xướng CDIO (CDIO Initiative). Tầm nhìn của dự án là mang đến cho sinh viên các ngành kỹ thuật – công nghệ một nền giáo dục nhấn mạnh về nền tảng kỹ thuật trong bối cảnh Hình thành Ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành (**C**onceiving – **D**esigning – **I**mplementing – **O**perating – CDIO). Mặc dù được phát triển cho khối kỹ thuật – công nghệ, CDIO có thể được áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau ngoài ngành kỹ sư với những sự điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

Sau hơn 10 năm phát triển, đến nay đã có trên 50 trường đại học ở 25 quốc gia chính thức là thành viên hợp tác (CDIO collaborator) để chia sẻ những thành tựu về giáo dục kỹ thuật – công nghệ cũng như ở các lĩnh vực khác theo cách tiếp cận CDIO. Việt Nam hiện có một trường trong số trên, đó là Đại học Quốc gia TP.HCM.

Website của tổ chức: <http://www.cdio.org/>

# **ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG CẢI TIẾN**

*Tổ Chuyên gia chất lượng đào tạo – Trường ĐH Nha Trang*

## **I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ**

Nhằm cung cấp một bức tranh đầy đủ về các ưu điểm và hạn chế của hệ thống CĐR (CĐR), chương trình giáo dục (CTGD), đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) do Trường ĐH Nha Trang xây dựng dành cho các chương trình bậc đại học theo hệ thống tín chỉ. Trên cơ sở đó, đề xuất các hướng cải tiến nhằm hoàn thiện các CĐR, CTGD và đề cương chi tiết học phần. Ngoài ra mục đích của đánh giá này là thực hiện bước 9 về quy trình và yêu cầu xây dựng CĐR của Bộ GD&ĐT.

## **II. PHẠM VI ĐÁNH GIÁ**

Báo cáo này cung cấp các đánh giá về quá trình chuẩn bị, triển khai, và các sản phẩm liên quan đến công tác xây dựng các CTGD bậc đại học theo hệ thống tín chỉ:

- CĐR của 22 ngành đào tạo bậc đại học đã công bố.
- Các CTGD đại học và cao đẳng đã được nghiệm thu bước 1 (trong năm 2010).
- Các ĐCCTHP đã được các khoa xây dựng trong năm 2010.

## **III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

Báo cáo cung cấp các nhận xét và giải pháp dựa trên các phương pháp và căn cứ tài liệu sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: các cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng CĐR, CTGD và đề cương chi tiết; các sản phẩm về CĐR, chương trình giáo dục, đề cương chi tiết do Trường ĐH Nha Trang xây dựng (theo hệ tín chỉ), các CĐR chương trình giáo dục, đề cương chi tiết do các trường khác (trong và ngoài nước) đã xây dựng.
- Căn cứ đánh giá và cung cấp giải pháp về chương trình giáo dục: các cơ sở lý luận về xây dựng CĐR, CTGD và đề cương chi tiết, Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá CTGD của AUN, Bộ tiêu chuẩn đánh giá các CTGD của ABET, Tiếp cận/Đề xướng/Sáng kiến CDIO, các văn bản pháp qui có liên quan của Bộ GD&ĐT.

## **IV. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

### **IV.1 ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

#### **1. Đánh giá qui trình xây dựng CĐR của ĐHNHNT**

Trường ĐHNHNT đã ban hành Quyết định số 334/ĐT-ĐHNHNT ngày 25/3/2008 về Xây dựng CĐR của quá trình đào tạo trình độ ĐH và CĐ hệ chính qui cho các ngành. Do Nhà trường tổ chức triển khai biên soạn CĐR trong bối cảnh Bộ GD&ĐT chưa có văn bản hướng dẫn nên một số nội dung của CĐR sau khi biên soạn xong chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, qui trình và nội dung xây dựng CĐR theo Quyết định trên có những hạn chế sau:

- Việc khống chế đến mức độ 3 (Ứng dụng) đối với các CĐR về Kiến thức là không phù hợp vì GDĐH cần phải giúp người học phát triển tư duy đến mức cao nhất có thể được (tức có thể đạt mức Sáng tạo).
- Khái niệm chủ đề (được định nghĩa trong Quyết định: “là vấn đề chủ yếu về kiến thức cần dạy cho người học để đạt chuẩn”; trong khi xây dựng CĐR bao gồm cả kỹ

năng và thái độ, ngoài kiến thức đã định nghĩa) không được định nghĩa đầy đủ và logic, dẫn đến khi thực hiện gặp nhiều lúng túng ở các khoa.

- Quyết định đề ra 7 bước để xây dựng KAS (tức CĐR):

- o Bước 1: Tập huấn phương pháp xây dựng KAS
- o Bước 2: Đề xuất chủ đề của ngành đào tạo
- o Bước 3: Duyệt danh mục các chủ đề
- o Bước 4: Đánh giá, nghiệm thu danh mục các chủ đề của từng ngành đào tạo
- o Bước 5: Biên soạn KAS cho từng chủ đề
- o Bước 6: Hội thảo đóng góp ý kiến cho KAS của từng chủ đề
- o Bước 7: Biên tập bộ KAS thành sách

Việc xác định trình tự và nội dung các bước trên là chưa phù hợp với qui trình chung về xây dựng CĐR đã được tổng kết có tính thống nhất ở nhiều nơi trên thế giới [1]: xuất phát từ mục tiêu và yêu cầu của quốc gia về văn bằng (thông qua Luật Giáo dục), từ yêu cầu của thị trường sử dụng lao động, từ các yêu cầu về nội dung CĐR, mỗi ngành đào tạo xác định hệ thống CĐR tương ứng. Trên cơ sở hệ thống CĐR đã được thống nhất, ngành đào tạo tổ chức xây dựng phần còn lại của CTGD bao gồm các nội dung: các môn học/học phần/chủ đề và trình tự giảng dạy, mối tương quan giữa mỗi môn học/học phần/chủ đề với hệ thống CĐR, phương pháp giảng dạy và đánh giá nhằm giúp đạt được CĐR, hệ thống tài liệu tham khảo, ...

Đối chiếu với qui trình trên đây, có thể thấy các bước xây dựng CĐR của ĐHNT có những hạn chế chủ yếu sau:

- Bước tập huấn phương pháp xây dựng CĐR (KAS) còn sơ sài, chưa đạt mục đích và hiệu quả (tài liệu và báo cáo viên hạn chế, ít cập nhật; thiếu sự thống nhất về lý luận và thực hiện ở các đơn vị).

- Chưa xác lập đầy đủ các căn cứ, nguyên tắc để xây dựng CĐR, thiếu sự tham gia của doanh nghiệp, người sử dụng lao động..... (Tuy nhiên, trong thực tế sự quan tâm, cũng như tầm nhìn khái quát; sự cập nhật về CTGD của các doanh nghiệp, cựu sinh viên, người sử dụng lao động ở Việt Nam còn nhiều hạn chế).

- Tổ chức xây dựng danh mục chủ đề trong khi hệ thống CĐR CTGD chưa được xác lập.

## 2. Yêu cầu qui trình xây dựng CĐR của Bộ GD&ĐT và đối chiếu với ĐHNT

TT	Yêu cầu của Bộ GD&ĐT	Thực hiện tại ĐHNT
1	<b>Bước 1.</b> Hiệu trưởng thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR của trường. Thành phần gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch Tài vụ, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khoa học, Trưởng các Khoa, Trưởng các bộ môn, các chuyên gia thuộc bộ môn hoặc đại diện các khoa khác đối với một số ngành đào tạo mang tính liên ngành, đại diện các nhà tuyển dụng (sử dụng lao động).	Đã thực hiện

2	<b>Bước 2.</b> Ban chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR tổ chức các phiên họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các khoa xây dựng CĐR của các ngành đào tạo thuộc quản lý của Khoa.	Đã thực hiện
3	<b>Bước 3.</b> Các khoa tổ chức xây dựng dự thảo CĐR, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, các nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên,... và hoàn thiện CĐR của từng ngành đào tạo.	Đã thực hiện, nhưng hiệu quả thấp do hạn chế về số lượng và chất lượng thông tin từ các đối tượng liên quan
4	<b>Bước 4.</b> Các khoa gửi dự thảo CĐR để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên...	Đã thực hiện, nhưng hiệu quả thấp do hạn chế về số lượng và chất lượng thông tin từ các đối tượng liên quan
5	<b>Bước 5.</b> Hội đồng khoa học – đào tạo khoa bổ sung, hoàn thiện dự thảo CĐR ngành đào tạo trên cơ sở thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên... và báo cáo Hội đồng khoa học – đào tạo trường.	Đã thực hiện, nhưng hiệu quả thấp do hạn chế về số lượng và chất lượng thông tin từ các đối tượng liên quan
6	<b>Bước 6.</b> Hội đồng Khoa học – Đào tạo trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo CĐR của tất cả các ngành đào tạo.	Chưa thực hiện
7	<b>Bước 7.</b> Công bố dự thảo CĐR các ngành đào tạo trên trang Web của trường để cán bộ quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các trường/khoa cùng khối ngành,... trong và ngoài trường cho ý kiến đóng góp.	Đã thực hiện
8	<b>Bước 8.</b> Tiếp thu, hoàn thiện và Hiệu trưởng ký công bố CĐR các ngành đào tạo của trường thông qua website của trường, sổ tay sinh viên, sổ tay cán bộ giảng viên, tờ rơi; công bố cho xã hội thông qua báo chí và gửi văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT (qua Vụ Giáo dục Đại học, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục).	Đã thực hiện
9	<b>Bước 9.</b> CĐR phải được rà soát, điều chỉnh và bổ sung định kỳ, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của xã hội, của người sử dụng lao động.	Đang triển khai

### 3. Yêu cầu về nội dung CĐR của Bộ GD&ĐT và đối chiếu với ĐHNT

TT	Yêu cầu của Bộ GD&ĐT	CĐR của ĐHNT
1	Tên ngành đào tạo: tiếng Việt và tiếng Anh;	Trên Websites Trường chưa có
2	Trình độ đào tạo: cao đẳng hoặc đại học;	Đã có
3	Yêu cầu về kiến thức: tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp,...	Đã có
4	Yêu cầu về kỹ năng: - Kỹ năng cứng: Kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, ... - Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, ...	- Kỹ năng cứng: đã có - Kỹ năng mềm: phần lớn chỉ đề cập đến khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học
5	Yêu cầu về thái độ: - Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; - Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ; - Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.	Chưa đầy đủ
6	Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;	Đã có
7	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;	Chưa có
8	Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.	Chưa có

### 4. Yêu cầu về nội dung CĐR của ABET, CDIO và đối chiếu với ĐHNT

(CĐR của các ngành tại ĐHNT có cấu trúc nội dung khá giống nhau, vì vậy ở đây CĐR ngành Nuôi được chọn làm mẫu để so sánh với CĐR của ABET và CDIO).

TT	CĐR của ABET	CĐR của CDIO (Cấp độ 2)	CĐR của ĐHNT (Ngành Nuôi)
1	Khả năng ứng dụng tri thức thuộc các lĩnh vực toán, khoa học, và kỹ thuật	- Kiến thức khoa học cơ bản - Kiến thức kỹ thuật cơ sở - Kiến thức kỹ thuật chuyên ngành	- Có khả năng sử dụng tin học phục vụ cho công việc chuyên môn và quản lý. - Có khả năng sản xuất giống các đối tượng nuôi thủy sản - Có khả năng nuôi

			thương phẩm thủy sản - Có khả năng sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản - Có khả năng phòng trị bệnh trong nuôi trồng thủy sản - Có khả năng bảo tồn động thực vật thủy sản quý hiếm - Có khả năng làm dịch vụ nuôi trồng thủy sản
2	Có khả năng lập và tiến hành thí nghiệm cũng như phân tích và đọc kết quả thí nghiệm	- Kỹ năng thực nghiệm và khám phá tri thức	
3	Có khả năng thiết kế một hệ thống, một giai đoạn của một chu trình hoặc một chu trình sao cho đáp ứng được các yêu cầu đặt ra trong điều kiện ràng buộc về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, đạo đức, sức khỏe và an toàn tính mạng, khả năng sản xuất, và tính bền vững.	- Kỹ năng suy nghĩ một cách hệ thống - Khả năng hình thành ý tưởng và xây dựng hệ thống - Khả năng thiết kế	- Có khả năng tư vấn kỹ thuật về qui hoạch và thiết kế cơ sở nuôi trồng thủy sản
4	Có khả năng làm việc trong các nhóm liên ngành	- Kỹ năng làm việc nhóm liên ngành	
5	Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề	- Kỹ năng suy luận và giải quyết vấn đề kỹ thuật	- Có năng lực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ giống, thức ăn và nuôi thương phẩm
6	Có hiểu biết về trách nhiệm chuyên môn và đạo đức	- Kỹ năng và thái độ cá nhân - Các kỹ năng và thái độ nghề nghiệp	
7	Có khả năng giao tiếp tốt	- Kỹ năng giao tiếp	
8	Học đủ rộng để hiểu được tác động của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, xã hội, môi trường toàn cầu.	- Kiến thức về bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp	



9	Hiểu được sự cần thiết và có khả năng tham gia học tập suốt đời		- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Có khát vọng học tập nhiều hơn và có phong cách học tập suốt đời
10	Có hiểu biết về các vấn đề đương đại	- Kiến thức về bối cảnh bên ngoài và xã hội	
11	Có khả năng sử dụng các kỹ thuật, kỹ năng, và công cụ kỹ thuật hiện đại cần thiết trong thực hành	- Khả năng triển khai	
12		- Khả năng vận hành	- Có khả năng quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản
13		- Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ	- Có trình độ Tiếng Anh đạt chuẩn TOEIC 450 điểm
14			- Có ý thức và phương pháp rèn luyện thân thể để không ngừng nâng cao sức khỏe
15			- Có năng lực giảng dạy tại trường đại học, cao đẳng, trung cấp và dạy nghề

Như vậy, so với các yêu cầu về CĐR của ABET và CDIO, bộ CĐR của ĐHNT có những nội dung phong phú hơn nhưng đồng thời cũng thiếu một vài nội dung cần thiết:

- Những nội dung phong phú hơn:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.
- Có ý thức và phương pháp rèn luyện thân thể để không ngừng nâng cao sức khỏe
- Có năng lực giảng dạy tại trường đại học, cao đẳng, trung cấp và dạy nghề

- Những nội dung còn thiếu:

- Kiến thức khoa học cơ bản
- Kiến thức kỹ thuật cơ sở

- Kiến thức về bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp
- Kiến thức về bối cảnh bên ngoài và xã hội
- Kỹ năng thực nghiệm
- Kỹ năng làm việc nhóm/nhóm liên ngành
- Kỹ năng giao tiếp
- Đạo đức nghề nghiệp
- Kiến thức về các vấn đề đương đại

Ngoài ra:

- Ở mục III. Các học phần và chủ đề chuyên môn được đào tạo để đạt CĐR: còn thiếu các chủ đề, thuộc lĩnh vực kiến thức nền tảng; ví dụ như CĐR có nêu:

1. Các học phần Lý luận chính trị
2. Các học phần Giáo dục thể chất
3. Các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh;

Nhưng lại thiếu Các học phần Toán và Khoa học tự nhiên; Tin học, Ngoại ngữ.

- Về mặt lý luận của tính logic hệ thống khi viết CĐR: để sinh viên có khả năng Hiểu và Làm được điều "A" thì Nhà trường ĐH cần phải dạy/đào tạo cho sinh viên các học phần B, C, D,...nào đó (Dạy cái gì ?) và phải Dạy như thế nào để đạt điều đó?. Ví dụ:

Một trong những CĐR của 1 ngành khối kỹ thuật của ĐH Bách khoa Hà Nội viết: "1.1 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở toán và khoa học cơ bản để mô tả, tính toán và mô phỏng các hệ thống/quá trình/sản phẩm kỹ thuật" và khi thiết kế Chương trình GD sẽ thấy hiện diện của các học phần Toán, Vật lý, hoặc Hóa....với nội dung và thời lượng phù hợp để sinh viên có thể mô tả, tính toán và mô phỏng các hệ thống, quá trình hoặc sản phẩm kỹ thuật.

- Các học phần và chủ đề chuyên môn được đào tạo để đạt CĐR ở Mục III, chưa hoàn toàn tương thích/không phù hợp với CĐR (ví dụ: Có khả năng sử dụng tin học phục vụ cho công việc chuyên môn và quản lý; có năng lực giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, TC và dạy nghề....(Mục II) nhưng ở Mục III. Lại không có bất kỳ 1 môn học/Học phần nào để đáp ứng cho các năng lực này) (Xem CĐR Ngành Kỹ thuật Tàu Thủy).

## **IV.2 ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

### **1. Đánh giá qui trình và nội dung xây dựng CTGD của ĐHNT**

Trường ĐHNT đã ban hành Quyết định số 618/2009/QĐ-ĐHNT ngày 07/5/2009 về Xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ. Hướng dẫn xây dựng CTGD của Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Trong năm 2010, các khoa đã tổ chức xây dựng các CTGD ĐH và CĐ theo đúng qui trình của Nhà trường: Thành lập hội đồng xây dựng CTĐT cho mỗi ngành – Tổ chức biên soạn – Tổ chức đánh giá cấp khoa – Tổ chức nghiệm thu cấp trường.

Dựa trên nội dung thảo luận tại các cuộc họp nghiệm thu CTGD cấp trường và các CTGD sau khi chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng cấp trường, chúng tôi rút ra những ưu điểm và hạn chế phổ biến ở các CTGD là:

#### **a. Ưu điểm:**

- Các CTGD được thiết kế theo đúng các yêu cầu của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT.

- So với mẫu thiết kế CTGD của Bộ GD&ĐT, các CTGD của Nhà trường được thiết kế chi tiết hơn về các mặt:

- o Xác định rõ số tiết dành cho giảng lý thuyết, bài tập, thảo luận đối với mỗi HP
- o Xác định các HP tiên quyết đối với mỗi HP trong CTGD.
- o Xây dựng sơ đồ liên hệ giữa các HP trong CTGD

b. Hạn chế:

- Tỷ lệ giữa khối kiến thức đại cương với khối kiến thức chuyên ngành chưa hợp lý, chưa đảm bảo cung cấp cho SV lượng kiến thức nền tảng đủ để làm cơ sở cho học các môn cơ sở, chuyên ngành và có khả năng học tiếp lên bậc cao hơn. Tỷ lệ này cũng không thống nhất ở các ngành trong Trường. Kết quả so sánh sơ bộ như sau:

TT	CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC	KIẾN THỨC GĐDC	KIẾN THỨC GDCN	TỔNG TC	GHI CHÚ
1	Bộ GD&ĐT- Chương trình khung khối ngành công nghệ (Quyết định số 32/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 18/6/2007)	85 ĐVHT (42,5%)	115 ĐVHT (57,5%)	200 ĐVHT	Bao gồm 12 ngành: 5 ngành ĐH và 7 ngành CĐ
2	Bộ GD&ĐT – Chương trình khung khối ngành Nông Lâm Ngư (Thông tư số 09/2011/TT-BGDĐT ngày 24/2/2011, có hiệu lực từ ngày 09/4/2011)	48 TC (40%)	72 TC (60%)	120 TC	
3	ĐH Nha Trang – Ngành Chế Biến	46 TC (35%)	84 TC (65%)	130 TC	
4	ĐH Nha Trang – Ngành Điện –Điện tử	42 TC (32,3%)	88 TC (67,7%)	130 TC	
5	ĐH Nha Trang – Ngành Cơ điện tử	40 TC (30,8%)	90 TC (69,2%)	130 TC	
6	ĐH Công nghệ-ĐHQG Hà Nội – Ngành Cơ điện tử <a href="http://www.vnu.edu.vn/dhgg/contents/index.php?ID=2332">http://www.vnu.edu.vn/dhgg/contents/index.php?ID=2332</a>	62 TC (45,5%)	74 TC (54,5%)	136 TC	
7	ĐH Nông Lâm tp. Hồ Chí Minh- Ngành Cơ điện tử	54 TC (41,2%)	77 TC (58,8%)	131 TC	
8	U.I.C (University of Illinois at Chicago) – Mechanical Engineering <a href="http://www.uic.edu/ucatalog/EGMEE_NGR.shtml">www.uic.edu/ucatalog/EGMEE_NGR.shtml</a>	53 TC (41,4%)	75 TC (58,6%)	128 TC	

- Các CTGD đều giới thiệu Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể của chương trình. Nếu xem Mục tiêu cụ thể là các CDR thì các CDR này mới chỉ ở mức khái quát, thiếu tính

đo lường được (hạn chế này chủ yếu do chúng ta áp dụng đúng như mẫu thiết kế CTGD của Bộ GD&ĐT).

- Chưa cho biết mối liên hệ giữa các mục tiêu cụ thể/CĐR với các học phần của CTGD và vì vậy chưa chỉ ra được các các mục tiêu cụ thể/CĐR sẽ đạt được bằng cách nào và từ đâu.

- Các CTGD không đảm bảo tỷ lệ giữa các HP tự chọn và HP bắt buộc: theo như: "HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG Chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang (Ban hành theo Quyết định số 618 /2009/QĐ –ĐHNT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)": "Để đảm bảo tính mềm dẻo của chương trình đào tạo cần phải đưa vào không dưới 15% học phần tự chọn cho mỗi loại kiến thức". Hầu hết các CTGD đã thiết kế phần tự chọn của khối kiến thức GD đại cương với tỷ lệ rất thấp, ví dụ:

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	TỈ LỆ
1	Cơ điện tử	2/40
2	Công nghệ thông tin	4/41
3	Chế biến thủy sản	4/41

Ở góc độ chung, tỷ lệ này (Số HP tự chọn/Số HP bắt buộc) ở hầu hết các CTGD thiết kế không thống nhất, chưa phù hợp với định hướng của CTGD mở, đảm bảo tính "mềm" của chương trình. Ta có thể so sánh theo các số liệu sau đây:

TT	NGÀNH/TRƯỜNG ĐH	SỐ HP TỰ CHỌN	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
1	Ngành Xây dựng dân dụng – ĐH Bách khoa Nanyang-Singapore	30	30/138 = <b>21,7 %</b>	
2	Ngành kỹ thuật vật liệu-ĐHBK Nanyang-Singapore	24	24/137 = <b>17,5 %</b>	
3	Ngành Công nghệ thông tin – ĐH Nha Trang	20	20/130 = <b>15,4 %</b>	Đạt tiêu chí của Hướng dẫn của Trường
4	Ngành Chế biến thủy sản – ĐH Nha Trang	19	19/130 = <b>14,6 %</b>	Gần đạt tiêu chí Hướng dẫn của Trường
5	Ngành Kế toán – ĐH Nha Trang	12	12/130 = <b>9,2 %</b>	Chưa đạt tiêu chí...
6	Ngành Tiếng Anh Biên – Phiên dịch – ĐH Nha Trang	6	6/130 = <b>4,6 %</b>	Rất thấp so với tiêu chí....

- Số HP có 2 tín chỉ chiếm tỷ trọng khá lớn trong các CTGD. Điều này có thể dẫn đến tính thiếu liên kết giữa các HP, tạo áp lực thi cử lớn vào cuối học kỳ.
- Hệ thống các HP đưa vào CTGD chủ yếu dựa vào nguồn lực CBGD hiện có của khoa chứ chưa dựa vào và đặt nặng yêu cầu kiến thức và kỹ năng mà người học cần đạt được đối với mỗi CTGD (thể hiện rõ ở sự khá giống nhau giữa các CTGD mới và cũ; trong khi về mặt lý luận CTGD mới phải được xây dựng từ các CĐR). Thiếu vắng một số học phần mới mang tính cập nhật về khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại liên quan đến ngành nghề đào tạo.
- Khối kiến thức Toán và khoa học tự nhiên (thuộc khối kiến thức GDĐC) của các chương trình GD không có các HP tự chọn. Riêng ở CTGD Công nghệ kỹ thuật Nhiệt - Điện lạnh có 1 môn học tự chọn nhưng lại không đúng nội dung kiến thức (Môn Dung sai và kỹ thuật đo - thuộc tự chọn kỹ thuật).
- Tỷ lệ giữa khối lượng kiến thức cơ sở và kiến thức ngành/chuyên ngành nhìn chung chưa hợp lý; còn nặng tập trung về kiến thức kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành (lại đang thay đổi rất nhanh theo thời gian), nên khả năng học thêm ngành mới và lên cao của SV sẽ bị hạn chế. Ví dụ lấy 10 ngành đào tạo của Nhà trường, trong đó ngành có tỉ lệ cao nhất (Khai thác hàng hải có tỷ lệ là: 1,52 %) và ngành có tỉ lệ thấp nhất (Công nghệ sinh học, có tỷ lệ là: 0,24 %) như sau:

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	KIẾN THỨC CƠ SỞ (Số TC)	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (Số TC)	TỈ LỆ %
1	Khai thác Thủy sản	47	31	<b>1,52</b>
2	Chế tạo máy	45	36	1,25
3	CN Kỹ thuật Nhiệt – Điện lạnh	43	37	1,16
4	Điện-Điện tử	41	37	1,10
5	Tiếng Anh Biên – Phiên dịch	44	43	1,02
6	Ô tô	39	41	0,95
7	CN Kỹ thuật Cơ – Điện tử	34	46	0,74
8	Nuôi trồng thủy sản	32	50	0,64
9	Quản trị kinh doanh du lịch	24	61	0,39
10	Công nghệ sinh học	15	62	<b>0,24</b>

- So sánh với chương trình khung cũ (2009) của Trường:

+ Nội dung chương trình GD mới không khác nhau nhiều so với chương trình cũ. Lấy ví dụ ngành Chế tạo máy: chỉ có thêm 1 môn học mới ở phần bắt buộc (Môn Lý thuyết xác suất và thống kê: 3 TC) và 4 môn mới nằm ở phần tự chọn (Nhiên liệu và môi chất chuyên dụng – 2 TC; Kỹ thuật số - 2 TC; Chuyên đề Công nghệ chế tạo máy 1: 2 TC, Chuyên đề Công nghệ chế tạo máy 2: 2 TC ); Riêng môn Phương pháp luận NCKH - 2 TC từ tự chọn ở chương trình cũ chuyển lên bắt buộc ở chương trình mới.

+ Số lượng các học phần tự chọn ít. Ví dụ: tỉ lệ chọn môn ở kiến thức Toán và khoa học tự nhiên: 0; ở kiến thức khoa học XHNV: 1/3; ở kiến thức chuyên ngành: 4/9.

- Chưa chứng tỏ được tính hiện đại, khả năng liên thông dọc và ngang của các CTGD (trên cơ sở tham khảo, đối sánh với các CTGD cùng chuyên ngành ở các trường có uy tín trong và ngoài nước).

- Chưa chứng tỏ được mối quan hệ liên thông có tính khoa học giữa các chương trình Trung cấp – Cao đẳng – Đại học – Sau đại học trong cùng một chuyên ngành trong phạm vi Nhà trường (VD ngành Kỹ thuật Nhiệt - Điện - Lạnh: CTGD Cao đẳng khác với Đại học cơ bản chỉ là sự cắt giảm cơ học số lượng tín chỉ, ví dụ: môn Hóa đại cương từ 3 TC xuống 2 TC; môn Cơ học ứng dụng từ 4 TC xuống 3 TC; ...).

- Về "Sơ đồ đào tạo":

Một số ngành (07 ngành) đã thể hiện được mối quan hệ hữu cơ về nội dung kiến thức giữa các HP và thể hiện điều kiện tiên quyết giảng dạy của HP (thứ tự trước sau - tiến độ kế hoạch giảng dạy theo từng học kỳ) như ngành Cơ - Điện tử; ngành Đóng tàu thủy, Công nghệ kỹ thuật Nhiệt - Điện lạnh, Công nghệ kỹ thuật Ô tô, Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh du lịch, Vận hành khai thác máy tàu. Tuy nhiên, một số HP được đưa vào CTGD nhưng chưa thể hiện được mối quan hệ với các HP khác. Ví dụ: Môn Lý thuyết xác suất và thống kê toán học chỉ có quan hệ với môn Đại số và môn Giải tích ? (ở sơ đồ của các ngành Đóng tàu, ngành Thiết bị năng lượng tàu thủy, ngành Thiết kế tàu thủy); hoặc chỉ có liên quan đến duy nhất một HP là Phương pháp luận NCKH (ở sơ đồ của ngành Công nghệ kỹ thuật Nhiệt - Điện lạnh). Nhìn chung, các sơ đồ này chủ yếu mới thể hiện được tiến trình dạy học của các học kỳ và toàn khóa.

- Về Phần "IX. Mô tả vấn đề nội dung và khối lượng các học phần" trong các CTGD:

+ Đối với một số HP thuộc giáo dục đại cương ở một số CTGD: không mô tả (để trống), ví dụ các ngành: Nuôi trồng (9 HP), Khai thác thủy sản (7 HP), Công nghệ thông tin (10 HP), Công nghệ sinh học (4 HP), Kinh tế thương mại (3 HP).... hoặc viết "Ban biên soạn Trường viết" như ngành Điện - Điện tử, ...; Nếu không định hình được nội dung và khối lượng của các HP này thì khó thuyết phục được sự có mặt của chúng trong các CTGD và nhất là khối lượng tương ứng của chúng (tại sao là 2 TC hay 3 TC....).

+ Cùng một HP và cùng số tín chỉ nhưng nội dung mô tả ở các CTGD của các ngành lại khác nhau. Do đó, sẽ hạn chế việc công nhận và liên thông chuyển đổi ngành nghề ngay trong Nhà trường và xa hơn là đối với các trường khác. Ví dụ:

TT	NGÀNH	HỌC PHẦN	MÔ TẢ HỌC PHẦN
1	Đóng tàu thủy	Giải tích	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về toán giải tích cần thiết cho ngành học gồm phép tính vi phân, tích phân của hàm một hoặc nhiều biến số, tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt, ứng dụng phép tính tích phân và vi phân vào hình học, phương trình vi phân và kiến thức về lý thuyết chuỗi gồm chuỗi số và chuỗi hàm.
2	Chế biến thủy sản	Giải tích	Học phần cung cấp cho người học: <u>số thực, số phức, đa thức, phân thức, giới hạn hàm một biến;</u>

			<u>đạo hàm; vi phân hàm một biến; tích phân bất định - bội - đường - mặt; hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1- 2; chuỗi số - hàm.</u>
3	Đóng tàu thủy	Vật lý	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về vật lý cần cho ngành học gồm <u>cơ học chất điểm và hệ chất điểm, vật rắn, các nguyên lý cơ bản của nhiệt động học, điện trường, từ trường - cảm ứng từ, trường điện từ - sóng điện từ.</u>
4	Chế biến thủy sản	Vật lý	<p>Phần lý thuyết: Đây là học phần cơ sở của vật lý đại cương đề cập đến vấn đề qui luật chuyển động và tương tác của vật chất; sự bảo toàn và các đại lượng bảo toàn của chuyển động, bao hàm trong các phần: <u>Cơ học, nhiệt động lực học, điện học và vật lý hạt nhân.</u> Một số kiến thức cần thiết cho các chuyên ngành kỹ thuật chuyên nghiệp và các ngành khác; đề cập chủ yếu tới các kiến thức chung về thế giới vật chất và ứng dụng của vật lý trong đời sống xã hội hiện đại.</p> <p>Phần thực hành: Cung cấp cho sinh viên phương pháp thực hiện các phép đo lường một số đặc trưng (đại lượng) vật lý cơ bản, xử lý các số liệu thực nghiệm và khả năng sử dụng một số thiết bị cơ bản và hiện đại trong các phần tương ứng của nội dung vật lý.</p>

- Cần có sự thống nhất trong định hướng xây dựng chương trình GD: theo hướng ĐH ứng dụng hay theo hướng ĐH nghiên cứu ? Nếu theo định hướng kỹ thuật công nghệ thì HP "Phương pháp NCKH" có nhất thiết phải là HP bắt buộc hay là nên để tự chọn. Nhưng nếu với định hướng là ĐH nghiên cứu thì cơ cấu và khối lượng các khối kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành cần được rà soát lại.

- Đối với năm cuối (năm 4) các CTGD ít có các HP tự chọn mang tính chuyên môn nghề nghiệp sâu, gắn liền với sự phát triển khoa học kỹ thuật và ứng dụng thực tiễn.

- Một số nội dung trong các CTGD (chẳng hạn các đề xuất của khoa về cơ sở vật chất) chỉ nên đưa ra trong các loại văn bản khác mang tính nội bộ. Ví dụ (CTGD ĐH ngành Công nghệ chế biến):

*"Trường Đại học Nha Trang hiện có nhiều giảng đường với các trang thiết bị đạt tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình học tập của sinh viên. Tuy nhiên, một số giảng đường chất lượng phương tiện nghe nhìn kém, cần đầu tư nâng cấp và cần xây dựng một số giảng đường có sức chứa lớn phục vụ cho các môn học ghép lớp"*

*"Nhà trường cần tăng cường sự hợp tác, giao lưu với các cơ sở sản xuất kinh doanh bên ngoài nhằm phục vụ cho việc thực tập thực tế của sinh viên và giảng viên"*

## 2. Đánh giá khái quát các CTGD của ĐHNT theo bộ tiêu chuẩn tự đánh giá của AUN

Khi tổ chức xây dựng các CTGD, ĐHNT chưa đặt ra yêu cầu các khoa phải đáp ứng theo phương pháp đánh giá chương trình của AUN. Tuy nhiên để chuẩn bị cho việc tiếp cận phương pháp đánh giá này, bảng sau đây cung cấp những nhận xét khái quát về mức độ đáp ứng của các CTGD của ĐHNT đối với các tiêu chí về xây dựng CTGD trong Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá của AUN.

TT	Nội dung Tiêu chuẩn/Tiêu chí của AUN	Đánh giá các CTGD của ĐHNT
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>CĐR</b>	
Tiêu chí 1.1	CTGD được xây dựng nhằm thúc đẩy hoạt động học tập, việc học phương pháp học tập và tạo cho sinh viên thói quen học tập suốt đời (ví dụ: xây dựng năng lực tư duy phê phán, phát triển kỹ năng học tập và xử lý thông tin, sẵn sàng thử nghiệm và vận dụng các ý tưởng mới).	Chưa thể hiện rõ
Tiêu chí 1.2	CTGD trang bị cho sinh viên tốt nghiệp khả năng học tập lên cao, phát triển nhân cách, có thái độ và năng lực tốt trong lĩnh vực chuyên môn. Sinh viên tốt nghiệp cần có các kỹ năng chuyển đổi, kỹ năng lãnh đạo, được hướng tới thị trường việc làm và có khả năng phát triển nghề nghiệp.	Khối kiến thức GD đại cương và kiến thức cơ sở ngành chưa hợp lý; còn nặng kiến thức chuyên ngành.  Các CTGD thuộc khối kỹ thuật của ĐHNT thiếu hẳn một số kỹ năng như: kỹ năng chuyển đổi, kỹ năng lãnh đạo...
Tiêu chí 1.3	CTGD có hệ thống CĐR rõ ràng, phản ánh được yêu cầu và nhu cầu của tất cả các bên liên quan.	Chưa đáp ứng
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>Bản mô tả chương trình giáo dục</b>	
Tiêu chí 2.1	Trường đại học cần giới thiệu bản mô tả CTGD trong đó có nêu qui định về tạm dừng học, có hệ thống CĐR của chương trình bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những kiến thức và sự hiểu biết mà sinh viên sẽ đạt được sau khi kết thúc khóa học</li> <li>- Các kỹ năng then chốt: giao tiếp, tính toán, sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng học tập</li> <li>- Các kỹ năng nhận thức như sự hiểu biết về phương pháp luận hoặc khả năng phân</li> </ul>	Chưa đáp ứng



	<p>tích có phê phán</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các kỹ năng cụ thể liên quan đến môn học, chẳng hạn như kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm, kỹ năng lâm sàng, vv</li> </ul>	
Tiêu chí 2.2	Bản mô tả chương trình cung cấp hệ thống CĐR cùng những giải pháp giúp đạt được các CĐR này.	Chưa đáp ứng
Tiêu chí 2.3	Bản mô tả chương trình có hệ thống CĐR bao gồm những kiến thức, sự hiểu biết, kỹ năng và thái độ; và chúng có thể giúp sinh viên hiểu được phương pháp giảng dạy và học tập cần thiết để đạt được các CĐR; có phương pháp kiểm tra đánh giá chứng tỏ được khả năng giúp sinh viên đạt được các CĐR; có thể hiện mối quan hệ giữa CTGD và các hoạt động học tập với yêu cầu của văn bằng trong mỗi quốc gia cũng như yêu cầu của liên thông trình độ và phát triển nghề nghiệp.	Chưa đáp ứng
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>Nội dung chương trình giáo dục</b>	
Tiêu chí 3.1	CTGD có sự cân bằng giữa nội dung chuyên môn, kiến thức tổng quát, và các kỹ năng cần thiết. Chương trình được thiết kế nhằm tạo hứng thú cho sinh viên, thu hút được nhiều người học.	Khối kiến thức GD đại cương và kiến thức cơ sở ngành chưa hợp lý; còn nặng kiến thức chuyên ngành
Tiêu chí 3.2	CTGD có tính đến và phản ánh được tầm nhìn, sứ mạng, mục đích và mục tiêu của nhà trường. Tầm nhìn, sứ mạng, mục đích và mục tiêu của nhà trường được giảng viên và sinh viên biết rõ.	Chưa thể hiện rõ
Tiêu chí 3.3	CTGD cho biết những năng lực mà sinh viên tốt nghiệp có thể đạt được, các môn học và lộ trình học tập được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt được những năng lực này.	Tạm được
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>Kết cấu của chương trình giáo dục</b>	
Tiêu chí 4.1	CTGD được thiết kế với các môn học được tích hợp với nhau và củng cố các môn học khác trong chương trình.	Chưa thể hiện rõ (nhiều HP còn mang tính rời rạc)
Tiêu chí 4.2	Cấu trúc CTGD chú trọng cả bề rộng lẫn chiều sâu, được xây dựng chặt chẽ và có hệ thống.	Chưa thể hiện rõ
Tiêu chí 4.3	CTGD thể hiện rõ các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành và hoạt động tốt nghiệp	Tương đối tốt
<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>Phương pháp dạy và học</b>	

Tiêu chuẩn 6	Đánh giá người học	
Tiêu chuẩn 7	Chất lượng đội ngũ giảng viên	
Tiêu chuẩn 8	Chất lượng đội ngũ phục vụ	
Tiêu chuẩn 9	Chất lượng người học	
Tiêu chuẩn 10	Hoạt động hỗ trợ người học	
Tiêu chuẩn 11	Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	
Tiêu chuẩn 12	Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/học tập	
Tiêu chuẩn 13	Đánh giá từ người học	
Tiêu chuẩn 14	Thiết kế chương trình	
Tiêu chí 14.1	Chương trình được xây dựng bởi một nhóm có đại diện của hội đồng giảng viên, đội ngũ làm chương trình, sinh viên và các bên có liên quan đến từ doanh nghiệp, chính phủ, và các tổ chức nghề nghiệp.	Chưa đáp ứng (thiếu sự tham gia của các nhóm đối tượng ngoài trường)
Tiêu chuẩn 15	Hoạt động phát triển đội ngũ	
Tiêu chuẩn 16	Thu thập ý kiến của các bên liên quan	
Tiêu chuẩn 17	Đầu ra của chương trình	

### IV.3 ĐÁNH GIÁ CÁC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

#### 1. Khái niệm Đề cương chi tiết học phần

Nếu so sánh khái niệm ĐCCTHP với từ tương đương trong tiếng Anh, có hai khái niệm liên quan khá phổ biến: **Course outline** (CO) và **Course syllabus** (CS). Tuy nhiên, trong số các nước sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức và ngay cả trong một nước, các khái niệm này được hiểu và sử dụng không như nhau. Có nơi xem CO như là "khung pháp lý" về cấu trúc nội dung của một môn học, còn CS là sự cụ thể hóa CO bởi mỗi GV [2, 7]; có nơi xem cả hai như nhau [3]; có nơi chủ yếu dùng CO [4]; có nơi gọi chung là **Syllabus and Course Outline** [5]; có nơi chỉ dùng thuật ngữ **Course profiles** [6].

Ví dụ về một vài định nghĩa của CO và CS có nội dung khá thống nhất ở nhiều nơi trên thế giới:

#### - Course Outline:

- là bản cam kết giữa nhà trường với chính phủ và người học về nội dung của một môn học [2].
- là tài liệu cho biết cấu trúc của một môn học, được xây dựng để đưa vào danh bạ chương trình. Tài liệu này bao gồm các nội dung: mô tả môn học, số tín chỉ, mã môn học, tên môn học, danh sách các đề mục (topic) cùng với số tiết giảng dạy tương ứng [7].

#### - Course Syllabus:

- là tài liệu được chuẩn bị bởi GV và được cung cấp cho SV ngay buổi học đầu tiên của môn học, bao gồm các thông tin cần thiết về môn học và các chính sách liên quan [2].

- o là tài liệu được phát triển bởi GV trên cơ sở chi tiết hóa CO của một môn học đã được phê chuẩn, được chuyển đến người học ngay từ lúc bắt đầu môn học. Tài liệu này cho biết cấu trúc của môn học, mục tiêu, kế hoạch kiểm tra – thi và tiêu chí đánh giá [7].

## 2. Đánh giá chủ trương xây dựng ĐCCTHP của ĐHNT

Trường ĐHNT đã ban hành Quyết định số 174/2010/ĐT-ĐHNT ngày 26/2/2010 về Xây dựng ĐCCTHP đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ. Trên cơ sở đối chiếu với mục đích yêu cầu của ĐCCTHP, kinh nghiệm xây dựng trong và ngoài nước, chúng tôi rút ra những ưu điểm và hạn chế chủ yếu của chủ trương này như sau:

### a. Ưu điểm:

- Xét về mặt cấu trúc của mẫu đề cương, đây là mẫu có một ý tưởng mang tính đột phá trong bối cảnh GDĐH Việt Nam hiện nay: xây dựng HP theo cấu trúc **Vấn đề**, mỗi vấn đề được yêu cầu xác định rõ nội dung, mức độ kiến thức và kỹ năng mà SV cần đạt được, phân bố thời lượng dành cho lý thuyết, bài tập, thảo luận, tự nghiên cứu, ...
- So với mẫu ĐCCTHP truyền thống, mẫu đề cương của ĐHNT đặt ra yêu cầu cụ thể hơn đối với các nội dung: xác định thời gian SV cần dành ra để tự nghiên cứu, danh mục chi tiết về các TLTK, phương pháp đánh giá HP, lịch trình giảng dạy.

### b. Hạn chế:

- Mẫu ĐCCTHP của ĐHNT thiên về khái niệm CS hơn là CO và vì vậy nó khó được xây dựng với tư cách là một văn bản mang nặng tính pháp qui về các nội dung chuẩn của một HP mà tất cả GV giảng dạy HP đều phải tuân theo.
- Mẫu ĐCCTHP của ĐHNT yêu cầu xây dựng cấu trúc HP theo Vấn đề, nhưng bản thân khái niệm này chưa được định nghĩa một cách chuẩn xác và thiếu nhất quán:
  - o Định nghĩa Vấn đề theo hướng dẫn của ĐHNT: "*Mỗi vấn đề được coi là một nội dung của học phần*", "*mỗi vấn đề được xác định là một mục tiêu của học phần, trong đó hàm chứa một khối lượng kiến thức cần thiết cung cấp cho người học*". Vấn đề và Mục tiêu là hai khái niệm hoàn toàn khác: một Vấn đề có thể hướng đến nhiều mục tiêu, và để đạt được một Mục tiêu có thể phải dùng đến nhiều Vấn đề. Mặt khác, bản thân khái niệm Vấn đề không phải là *một nội dung của HP* và nó cũng không thể *hàm chứa một khối lượng kiến thức cần thiết cung cấp cho người học*.
  - o Trong văn bản hướng dẫn có nơi dùng Vấn đề, có nơi dùng Chủ đề. Đây cũng là hai khái niệm hoàn toàn khác: một Chủ đề có thể bao gồm nhiều Vấn đề; và để giải quyết một Vấn đề, SV có thể phải sử dụng kiến thức từ nhiều Chủ đề khác nhau.
- Về mặt lý luận, một HP có thể được thiết kế theo cấu trúc *một hệ thống các vấn đề* và tương ứng với nó là Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning). Tuy nhiên, không phải môn học nào và GV nào cũng có thể làm như vậy. Sự lựa chọn này chỉ nên được sử dụng cho các môn học có tính thực tiễn nghề nghiệp cao và dành cho các GV có năng lực sư phạm lẫn kinh nghiệm dạy học và thực tế tốt. Chính vì vậy, ngay cả ở những trường ĐH lớn trên thế giới, có rất ít HP được xây dựng theo cấu trúc như vậy.

- Một số nội dung trong mẫu ĐCCTHP chỉ nên đưa ra trong các loại văn bản khác. Ví dụ:

- Mục 4.2. Điều kiện hỗ trợ để dạy - học học phần: Để thực hiện được các vấn đề của học phần đạt chuẩn, yêu cầu khoa, bộ môn đảm bảo điều kiện sau: .....
- Mục 8. Chế độ quản lý: 1. Đề cương chi tiết học phần được quản lý tại: Giảng viên, Bộ môn, Phòng Đào tạo ĐH - SĐH, Phòng ĐBCLĐT & KT và đăng trên Website của Khoa và Trường; 2. Giảng viên có trách nhiệm: ....

- Phần Phụ lục của mẫu ĐCCTHP có 2 phần không cho biết có phải là nội dung buộc phải có hay không:

- Phần 2: Thông tin về GV
- Phần 3: Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể

### 3. Đánh giá các ĐCCTHP của ĐHNT

Sau khi Nhà trường ban hành chủ trương mới về xây dựng ĐCCTHP (theo Quyết định số 174/2010/ĐT-ĐHNT), đến nay hầu hết các HP thuộc các CTGD ĐH và CĐ theo hệ tín chỉ đã xây dựng xong ĐCCTHP theo mẫu mới. Kết quả xem xét các sản phẩm này cho thấy có những hạn chế phổ biến sau:

- Các ĐCCTHP được yêu cầu xây dựng theo cấu trúc Vấn đề. Tuy nhiên thực tế cho thấy đại bộ phận các ĐCCTHP có phần nội dung chuyên môn được cấu trúc theo hai hướng:

- **Cấu trúc theo chương mục** (Hầu hết các ĐCCTHP chỉ thay từ "Chương, Mục" truyền thống thành "Vấn đề"), ví dụ Học phần *Hóa đại cương* có nội dung các "vấn đề" gồm:
  - Cấu tạo nguyên tử
  - Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học
  - Các thuyết cổ điển về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử
  - Các thuyết hiện đại về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử.
  - Các trạng thái tập hợp của vật chất
  - Nguyên lý I nhiệt động học và nhiệt hóa học
  - Nguyên lý II nhiệt động học
  - Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng hóa học
  - Phản ứng thuận nghịch và sự dịch chuyển cân bằng của phản ứng thuận nghịch
  - Đại cương về dung dịch
  - Dung dịch chứa chất tan không điện ly và không bay hơi.
  - Dung dịch điện ly.
  - Điện hóa học.
- **Cấu trúc theo chủ đề**, ví dụ Học phần *Kỹ thuật thực phẩm* có nội dung các "vấn đề" gồm:
  - Thủy tĩnh học
  - Thủy động học
  - Các thiết bị vận chuyển chất lỏng
  - Các thiết bị khuấy trộn chất lỏng

- Các thiết bị vận chuyển chất khí
- Thiết bị phân riêng
- Đun nóng
- Làm nguội, ngưng tụ
- Cô đặc
- Sấy
- Hấp thụ, hấp phụ
- Chưng cất
- Trích ly
- Kết tinh

- Nếu cấu trúc Chương trình chi tiết HP theo các "Chủ đề" thì phải nhằm đạt đến sự tích hợp các nội dung dạy học cốt lõi liên quan của nó, thậm chí có sự tích hợp đa/liên HP để tăng tính hiệu quả truyền đạt thông tin đến sinh viên. Mức độ và khả năng tích hợp này phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện liên quan đến cả thầy lẫn sinh viên. Chính vì vậy, tùy theo mức độ yêu cầu; nội dung kiến thức, kỹ năng dạy học của từng chủ đề và điều kiện dạy học mà người giảng viên sẽ quyết định phương án thiết kế và tổ chức dạy học sao cho phù hợp nhất. Đó là sự khác biệt về năng lực tiếp cận và năng lực tổ chức dạy học của từng giảng viên một: có thể chủ đề A thì sử dụng diễn giảng kết hợp với trao đổi là thích hợp; nhưng chủ đề B thì phải sử dụng Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.....vv.....; chứ không phải dạy học các "chủ đề" đã là dạy học theo giải quyết vấn đề như một số giảng viên quan niệm.

- Ở phần **4. Hình thức tổ chức dạy học**: tất cả các Chương trình chi tiết chỉ trình bày 2 phần:

+ 4.1. Lịch trình chung: Đây thực chất là sự cụ thể hóa và phân bổ thời gian cho từng chủ đề dạy học để cho giảng viên, sinh viên thực hiện và để bộ phận quản lý biết. Ví dụ: chủ đề 1 có 4 giờ lý thuyết; 1 giờ bài tập, 1 giờ thực hành, 5 giờ sinh viên tự học.....

+ 4.2. Điều kiện để hỗ trợ dạy học HP: mới chỉ nêu nhiệm vụ của các đơn vị phục vụ giảng dạy

- Có đề cương chi tiết học phần xem Chủ đề như một nhiệm vụ của dạy học: ví dụ Chủ đề "**Kiểm tra**" ở Đề cương chi tiết HP "Cơ sở thiết kế máy".

- Chuẩn Kiến thức cho mỗi "vấn đề" được yêu cầu có thể đến mức 4 hoặc cao hơn (theo Thang Bloom). Tuy nhiên, có khá nhiều ĐCCTHP chỉ dừng ở mức 2 (Hiểu), thậm chí một số ĐCCTHP chỉ dừng ở mức 1 đối với nhiều "vấn đề" (VD: Học phần Truy xuất nguồn gốc thực phẩm).

- Mục 4.2 được nhiều GV/BM/khoa biến thành nơi để đưa ra yêu cầu về cơ sở vật chất, ví dụ:

#### Học phần Nhiệt kỹ thuật:

Để thực hiện được các vấn đề của học phần đạt chuẩn, yêu cầu khoa, bộ môn đảm bảo điều kiện sau:

- Projector
- Line internet hoặc Wifi

#### Học phần Hóa đại cương:

Để thực hiện được các vấn đề của học phần đạt chuẩn, yêu cầu nhà trường đảm bảo các điều kiện sau:

- Projector và hệ thống âm thanh cho phòng học lý thuyết
- Lớp học dưới 80 sinh viên
- Mỗi sinh viên được mượn 1 bộ tài liệu học tập (giáo trình chính)
- Đầy đủ trang thiết bị cho bài thực hành
- Có chế độ bảo hộ lao động cho giảng viên thực hành
- Bình chữa cháy cho phòng thí nghiệm

## V. ĐỀ XUẤT HƯỚNG CẢI TIẾN

### 1. Làm rõ và thống nhất các khái niệm

Trước khi tổ chức triển khai một hoạt động liên quan đến nhiều người, một trong những điều đầu tiên cần phải làm là làm rõ và thống nhất các khái niệm cơ bản có liên quan, ngay cả khi các khái niệm này đã được sử dụng ở nhiều nơi. Trong phạm vi hoạt động phát triển CTGD mà ĐHNT đang tiến hành, các khái niệm sau đây cần được làm rõ và thống nhất: Chương trình khung, Khung chương trình, Mục tiêu chung và cụ thể, CĐR, Vấn đề, Chủ đề, Chuyên đề, Đề cương chi tiết học phần, ...

Riêng khái niệm ĐCCTHP, nên tách ra thành hai khái niệm:

- Đề cương học phần (ĐCHP): tương đương với Course Outline, được xây dựng bởi hội đồng môn học, được xem như văn bản pháp qui về cấu trúc nội dung bắt buộc của HP và các yêu cầu liên quan, có chu trình cập nhật.

- Đề cương chi tiết học phần: tương đương với Course Syllabus, được xây dựng bởi GV phụ trách HP và căn cứ trên ĐCHP với các thông tin cụ thể về: phương pháp giảng dạy – đánh giá, kế hoạch thi-kiểm tra, lịch trình giảng dạy, TLTK, ...

### 2. Chọn lựa cách tiếp cận tiên tiến

Hiện nay trên thế giới có nhiều cách tiếp cận, bộ tiêu chuẩn liên quan đến xây dựng, tự đánh giá, KĐCL các CTGD. Trong số đó, có 03 cách tiếp cận/bộ tiêu chuẩn đang được nhiều trường ĐH ở Việt Nam sử dụng (ở nhiều mức độ khác nhau), với các đặc điểm, ưu điểm và hạn chế chủ yếu như sau:

	<b>BỘ TC ABET</b>	<b>BỘ TC AUN</b>	<b>Tiếp cận CDIO</b>
<b>Mục đích</b>	KĐCL các CTGD	Tự đánh giá, KĐCL các CTGD	Xây dựng, triển khai, tự đánh giá các CTGD
<b>Phạm vi ứng dụng</b>	Các CTGD Kỹ thuật, Công nghệ, Khoa học ứng dụng, Điện toán	Cho tất cả các CTGD	Các CTGD đào tạo kỹ sư (có thể được điều chỉnh, bổ sung đối với các CTĐT ngoài kỹ sư)
<b>Phạm vi công nhận</b>	Quốc tế	ASEAN	Chưa đặt ra
<b>Kinh phí cho KĐCL</b>	Rất cao (so với khả năng của phần lớn các ĐH Việt Nam)	Chấp nhận được, có hỗ trợ từ AUN	Chưa đặt ra
<b>Ưu điểm</b>	Phản ánh trình độ học thuật tiên tiến của thế	Tạo điều kiện liên thông với các ĐH của	Giúp xây dựng các CTGD gắn với yêu cầu

	giới. Có hệ thống CĐR và yêu cầu về nội dung CTGD khá cụ thể.	khu vực. Có hệ thống tiêu chí toàn diện để dùng thiết kế, tổ chức thực hiện, tự đánh giá CTGD.	của thị trường lao động. Có cách tiếp cận xây dựng CĐR khoa học, cụ thể.
<b>Hạn chế</b>	Chi phí tư vấn, KĐCL khá cao	Hiện nay chỉ KĐCL CTGD của các trường thành viên (cho đến 2014, VN vẫn chỉ có 2 thành viên là 2 ĐHQG).	Chưa tổ chức KĐCL chính thức.

Trên cơ sở phân tích các đặc điểm của các bộ tiêu chuẩn/cách tiếp cận và đặc điểm tình hình của Nhà trường, Tổ chuyên gia đã thống nhất đề nghị Nhà trường sử dụng bộ tiêu chuẩn AUN để rà soát, hoàn chỉnh qui trình và nội dung xây dựng CĐR, các CTGD và ĐCHP/ĐCCTHP với mục đích hàng đầu là nâng cao chất lượng các CTGD theo hướng tiếp cận với trình độ của khu vực. Riêng việc hoàn thiện CĐR, cần tham khảo thêm cách làm và nội dung CĐR được thiết kế bởi ABET và CDIO.

### 3. Hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo và tổ chức tập huấn

Như đã phân tích ở phần trên, các văn bản chỉ đạo của ĐHNT về xây dựng CĐR, CTGD, ĐCCTHP của bậc ĐH theo hệ tín chỉ còn một số hạn chế. Để thuận lợi cho việc hoàn thiện CĐR, CTGD, ĐCCTHP, các văn bản này cần được hoàn thiện theo hướng khắc phục những hạn chế như đã chỉ ra, khẳng định một mô hình/cách tiếp cận tiên tiến để xây dựng các văn bản hướng dẫn và chỉ đạo việc thực hiện. Việc tập huấn cần được tổ chức chu đáo để đảm bảo tất cả CBGD tham gia hoàn thiện CĐR, CTGD, ĐCCTHP đều nắm rõ qui trình và nội dung thực hiện.

### 4. Hoàn thiện các sản phẩm

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, qui trình, cách tiếp cận đã được cập nhật và tập huấn, các ngành tổ chức hoàn thiện các sản phẩm CĐR, CTGD, ĐCHP/ĐCCTHP đã xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc.

Để thực hiện các đề xuất trên, Tổ đề xuất lộ trình triển khai như sau:

<b>Thời gian</b>	<b>Công việc</b>	<b>Tổ chuyên gia</b>	<b>Các khoa</b>
6-8/2011	Xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn thiết kế CĐR, CTGD, ĐCHP/ĐCCTHP	Chủ trì	Tham gia
7-9/2011	Khảo sát ý kiến doanh nghiệp về CĐR và xử lý dữ liệu	Chủ trì	Thực hiện
10/2011	Tập huấn cho các khoa về các văn bản hướng dẫn	Chủ trì	Tham gia
11-12/2011	Hoàn chỉnh CĐR	Chủ trì	Thực hiện
1/2012 – 5/2012	Hoàn chỉnh các CTGD ĐH và CĐ	Chủ trì	Thực hiện
6-7/2012	Hoàn chỉnh các ĐCCTHP	Chủ trì	Thực hiện
8/2012	Đề xuất các giải pháp thực hiện các CTGD (bao gồm cả đổi mới PPGD và đánh giá)	Chủ trì	Tham gia
Từ 9/2012	Triển khai các giải pháp thực hiện các CTGD	Chủ trì	Thực hiện

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] <http://www.unk.edu/uploadedFiles/academicaffairs/Assessment/Training/Establishing%20Learning%20Outcomes.pdf>

[2] <http://www.rccdfaculty.net/handbook/016.htm>

[3] <http://cedl.lakeheadu.ca/?display=page&pageid=97>

[4] <http://www.mcgill.ca/tls/resources/outline/>

[5] <http://gatton.uky.edu/Faculty/hoytw/610/610Syllabus.pdf>

[6] <http://www.griffith.edu.au/new-students/glossary>

[7] <http://www.uas.alaska.edu/FacultyHandbook/curriculum/index.html>

(Tất cả tài liệu trên được truy cập ngày 20/5/2011)